|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NĐ-CP | *Hà nội, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO 02**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia.*

# QUY ĐỊNH CHUNG

## Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 29 Luật Dữ liệu về thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia (sau đây gọi tắt là Quỹ).

2. Nghị định này áp dụng đối với Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản trị, điều hành, tổ chức và hoạt động của Quỹ.

## Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân của Quỹ

1. Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, do Bộ trưởng Bộ Công an thành lập và quản lý.

2. Quỹ hoạt động theo mô hình tương tự công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, theo các quy định riêng về tổ chức và cơ chế hoạt động quy định tại Nghị định này.

3. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có báo cáo tài chính riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

## Mục tiêu hoạt động của Quỹ

1. Hỗ trợ các hoạt động phát triển, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, máy học, điện toán đám mây, chuỗi khối, Internet vạn vật và các công nghệ khác trong xử lý dữ liệu để phục vụ công tác quản lý nhà nước, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế - xã hội.

2. Thúc đẩy việc ứng dụng dữ liệu phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

3. Đầu tư cho doanh nghiệp, cá nhân hoạt động nghiên cứu các giải pháp gia tăng bảo vệ dữ liệu, chuyển giao công nghệ về dữ liệu, đổi mới sáng tạo về dữ liệu, phát triển ứng dụng công nghệ liên quan đến dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế - xã hội.

4. Hỗ trợ khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu; hỗ trợ tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu cho cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội.

5. Hỗ trợ tổ chức cung cấp dịch vụ công ích để khắc phục hậu quả, xử lý sự cố về an ninh, an toàn dữ liệu.

6. Hỗ trợ hoạt động hợp tác quốc tế về dữ liệu.

## Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động phát triển dữ liệu* là hoạt động của các tổ chức, cá nhân nhằm làm gia tăng giá trị của dữ liệu cả về số lượng và chất lượng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế - xã hội.

2. *Công nghệ dữ liệu* là công nghệ trí tuệ nhân tạo, học máy, điện toán đám mây, chuỗi khối, Internet vạn vật và các công nghệ khác trong xử lý dữ liệu.

3. *Hỗ trợ chi phí* là việc cấp kinh phí cho các tổ chức, cá nhân để xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu.

4. *Hỗ trợ nâng cao năng lực* là việc Quỹ trực tiếp thực hiện các hoạt động liên quan đến đầu tư, mua sắm, bố trí nguồn lực cho các tổ chức, cá nhân để xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu.

5. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo* (sau đây gọi tắt là “doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo”) là doanh nghiệp nhỏ và vừa, có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.

6. *Người quản lý Quỹ* là người giữ chức danh, chức vụ Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

## Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho phải bảo đảm:

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho của các tổ chức, cá nhân bằng tiền hoặc hiện vật bảo đảm công khai, minh bạch;

b) Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng đối với tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết; việc nhận vốn ủy thác phải bảo đảm phù hợp với khả năng hoàn trả của Quỹ;

c) Không tiếp nhận tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng, vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hoạt động khác trái quy định pháp luật.

2. Việc cho vay, hỗ trợ, đầu tư của Quỹ phải bảo đảm:

a) Công khai, minh bạch và tuân thủ các quy định pháp luật;

b) Mỗi tổ chức, cá nhân có thể được Quỹ cho vay, hỗ trợ, đầu tư với nhiều hình thức khác nhau;

c) Tổ chức, cá nhân tự kê khai và chịu trách nhiệm về các số liệu, thông tin trong Hồ sơ đề nghị cho vay, hỗ trợ, đầu tư;

d) Quỹ được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp cho vay, hỗ trợ, đầu tư các tổ chức, cá nhân thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan;

đ) Trường hợp tổ chức, cá nhân đồng thời thuộc đối tượng hưởng hỗ trợ từ Quỹ này và từ quỹ khác hoặc hình thức hỗ trợ khác của Nhà nước cho cùng một hạng mục hỗ trợ chi phí thì tổ chức, cá nhân chỉ được áp dụng hỗ trợ cho hạng mục này từ một Quỹ hoặc một hình thức hỗ trợ khác của Nhà nước;

e) Quỹ không hỗ trợ chi phí cho các tổ chức, cá nhân viện trợ, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho Quỹ.

## Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ

1. Nhiệm vụ của Quỹ

a) Thực hiện các hoạt động phục vụ mục tiêu của Quỹ;

b) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn đúng quy định;

c) Thực hiện chế độ báo cáo, chế độ kế toán theo quy định tại Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan;

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Mua các loại bảo hiểm theo quy định của pháp luật để bảo đảm an toàn cho Quỹ;

e) Cung cấp số liệu, công bố công khai về quy chế hoạt động, cơ chế tài chính, kết quả hoạt động của Quỹ và báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quyền hạn của Quỹ

a) Tổ chức và hoạt động theo đúng nguyên tắc và mục tiêu hoạt động của Quỹ;

b) Kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất việc sử dụng nguồn vốn của Quỹ; thu hồi vốn cho vay, chi phí hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân vi phạm các điều kiện, cam kết đã ký với Quỹ;

c) Được đầu tư hạ tầng, trang thiết bị, cơ sở vật chất nhằm thực hiện mục tiêu hoạt động của Quỹ;

d) Được đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;

đ) Được cho tổ chức vay với lãi suất ưu đãi; hỗ trợ chi phí cho tổ chức, cá nhân để thúc đẩy các hoạt động theo mục tiêu của Quỹ;

e) Được tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực cho các tổ chức, cá nhân phù hợp với quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;

g) Được thuê các tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học để hỗ trợ hoạt động của Quỹ; hợp tác với các cơ sở giáo dục để hỗ trợ hoạt động đào tạo của Quỹ; thực hiện hoặc sử dụng dịch vụ tư vấn, đánh giá năng lực đối với tổ chức, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

h) Sử dụng ngân sách tạm thời nhàn rỗi của Quỹ để gửi tiết kiệm kỳ hạn tối đa không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bảo toàn và phát triển ngân sách đã cấp cho Quỹ.

## Ngân sách hoạt động của Quỹ

1. Nguồn ngân sách nhà nước:

Ngân sách nhà nước cấp vốn cho Quỹ tối thiểu là 1.000 tỷ đồng và được bổ sung hằng năm để bảo đảm duy trì mức 1.000 tỷ đồng tại thời điểm đầu các năm tài chính.

Nguồn ngân sách nhà nước dùng để cấp cho Quỹ được bố trí từ nguồn chi cho đầu tư phát triển, từ nguồn thu của doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập kinh doanh sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu sau khi nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Các nguồn ngoài ngân sách nhà nước:

a) Thu từ kết quả hoạt động của Quỹ: Các khoản lãi cho vay, phí bảo lãnh vốn vay, lãi tiền gửi và các khoản thu khác;

b) Các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, tặng cho không phải hoàn trả của các tổ chức, cá nhân;

c) Nguồn khác theo quy định pháp luật.

# CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

## Cơ cấu tổ chức quản lý của Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Quỹ gồm có: Giám đốc và bộ máy giúp việc.

2. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, do Bộ trưởng Bộ Công an bổ nhiệm, miễn nhiệm.

3. Phó Giám đốc Quỹ thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Giám đốc Quỹ vắng mặt, Giám đốc Quỹ ủy quyền cho 01 Phó Giám đốc Quỹ thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc Quỹ.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc và bộ máy giúp việc thực hiện theo quy định tại Điều lệ Quỹ do Bộ Công an ban hành. Cơ cấu tổ chức quản lý của Quỹ có thể thay đổi để phù hợp với thực tế trong quá trình hoạt động.

## Hội đồng chuyên gia

1. Giám đốc Quỹ quyết định việc thành lập Hội đồng chuyên gia của Quỹ thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ trong một khoảng thời gian được quy định tại quyết định thành lập hoặc tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Hội đồng chuyên gia thẩm định, đánh giá các đề án, dự án, phương án sản xuất kinh doanh, chương trình đề nghị cho vay, hỗ trợ, đầu tư của các tổ chức, cá nhân.

3. Thành viên Hội đồng chuyên gia bao gồm: Phó Giám đốc Quỹ, các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý trong nước và ngoài nước có uy tín, có trình độ chuyên môn cao, được lựa chọn từ cơ sở dữ liệu chuyên gia của Quỹ trên cơ sở thành tích chuyên môn, tín nhiệm của các nhà khoa học, nhà quản lý trong cùng lĩnh vực chuyên môn về dữ liệu.

4. Hội đồng chuyên gia hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Chủ tịch Hội đồng chuyên gia ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng chuyên gia trên cơ sở được Giám đốc Quỹ phê duyệt.

5. Chi phí hoạt động của Hội đồng chuyên gia, chi phí thuê chuyên gia được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

# HOẠT ĐỘNG TIẾP NHẬN, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI TRỢ, VIỆN TRỢ, ĐÓNG GÓP, ỦY THÁC, TẶNG CHO

## **Sử dụng nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho**

Quỹ sử dụng nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho và lợi nhuận phát sinh từ các nguồn này để thực hiện các hoạt động sau:

1. Bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ.

2. Cho vay, hỗ trợ, đầu tư cho tổ chức, cá nhân theo quy định của Nghị định này và yêu cầu của bên ủy thác, nhà tài trợ bảo đảm phù hợp với quy định của Nghị định này.

## Thẩm quyền phê duyệt việc nhận **tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho**

1. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định phê duyệt việc nhận tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho của các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Giám đốc Quỹ quyết định phê duyệt việc nhận tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho của các tổ chức, cá nhân Việt Nam.

## Hình thức tiếp nhận **tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho**

1. Tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho bằng tiền: Bên tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho bằng tiền mặt hoặc thực hiện chuyển khoản cho Quỹ thông qua tài khoản của Quỹ mở tại ngân hàng thương mại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

2. Đối với tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho bằng hiện vật:

a) Bên tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho chuyển giao cho Quỹ các hiện vật như máy móc, trang thiết bị, phương tiện giao thông, đất đai, công trình xây dựng và các hiện vật khác có giá trị sử dụng;

b) Giá trị của hiện vật tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho cho Quỹ phải được quy đổi ra tiền là đồng Việt Nam, được thể hiện tại văn kiện, hồ sơ nhận tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho;

Đối với hiện vật là tài sản có nguyên giá trên thị trường từ 500 triệu đồng trở lên, Quỹ phải thuê tổ chức thẩm định giá định giá tài sản. Thời điểm định giá không quá 06 tháng tính đến thời điểm lập hồ sơ phê duyệt tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho.

3. Đối với khoản đóng góp phải hoàn trả: Quỹ thực hiện hoàn trả theo thỏa thuận đã ký kết giữa các bên.

4. Đối với ủy thác: Bên ủy thác sẽ chuyển khoản tiền ủy thác bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ khác cho Quỹ thông qua tài khoản của Quỹ mở tại ngân hàng thương mại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng thương mại nước ngoài tại Việt Nam. Quỹ thực hiện hoàn trả cho bên ủy thác theo thỏa thuận ủy thác đã ký kết giữa các bên.

## Chuẩn bị văn kiện, hồ sơ khoản **tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho**

1. Đối với khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Công an:

a) Quỹ chủ trì chuẩn bị văn kiện, hồ sơ tiếp nhận tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;

b) Quỹ có nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức trong nước và bên đóng góp, bên ủy thác trong quá trình lập văn kiện, hồ sơ.

2. Đối với khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho thuộc thẩm quyền phê duyệt của Giám đốc Quỹ, Quỹ phối hợp với các tổ chức trong nước và bên tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho trong quá trình lập văn kiện, hồ sơ.

3. Quỹ có trách nhiệm triển khai, bảo đảm về tiến độ, chất lượng và nội dung văn kiện, hồ sơ tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.

## Nội dung của văn kiện tiếp nhận tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho

Văn kiện tiếp nhận tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Bối cảnh và sự cần thiết của việc tiếp nhận tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho, trong đó nêu rõ những vấn đề mà khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho sẽ được sử dụng để giải quyết.

2. Mục tiêu dài hạn (nếu có) và mục tiêu ngắn hạn của khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.

3. Những kết quả chủ yếu của việc sử dụng khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho và các chỉ số đo lường các kết quả đó.

4. Thời gian thực hiện khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho và địa bàn thực hiện.

5. Cam kết, điều kiện đối với khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, tặng cho của nhà tài trợ, bên đóng góp, bên tặng cho, khoản ủy thác của bên ủy thác; nghĩa vụ và cam kết của Quỹ để sử dụng khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.

6. Tổng giá trị và cơ cấu vốn của khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.

7. Vốn đối ứng và nguồn bảo đảm (nếu có).

8. Phương thức tổ chức, quản lý và thực hiện khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.

9. Phương án thực hiện khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.

10. Hiệu quả, khả năng vận dụng kết quả thực hiện vào thực tiễn và tính bền vững của việc thực hiện khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.

## Thẩm định khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho

1. Văn kiện, hồ sơ khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho phải được thẩm định để làm cơ sở phê duyệt, ký kết và thực hiện.

2. Bộ Công an giao một đơn vị chức năng trực thuộc chủ trì tổ chức thẩm định khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho đối với trường hợp thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Công an.

3. Hội đồng chuyên gia của Quỹ chủ trì tổ chức thẩm định khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho thuộc thẩm quyền phê duyệt của Giám đốc Quỹ.

4. Đơn vị chủ trì thẩm định được mời các đơn vị chuyên môn, các tổ chức tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập để hỗ trợ thẩm định văn kiện, hồ sơ khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.

5. Đơn vị chủ trì thẩm định lập Hồ sơ trình phê duyệt khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho bao gồm:

a) Văn bản trình phê duyệt của Quỹ về văn kiện, hồ sơ tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;

b) Văn bản của nhà tài trợ, bên đóng góp, bên ủy thác về nội dung khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;

c) Văn bản xác nhận giá trị của tài sản được tài trợ, viện trợ, đóng góp và chứng thư thẩm định giá đối với tài sản được tài trợ, viện trợ, đóng góp, tặng cho được cấp bởi tổ chức thẩm định giá hợp pháp và đủ năng lực được Việt Nam công nhận (nếu có);

d) Báo cáo thẩm định;

đ) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

6. Nội dung chính của báo cáo thẩm định:

a) Sự phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành của các số liệu, luận cứ, tính toán, kết luận và đề xuất nêu trong hồ sơ được thẩm định;

b) Tính khả thi của khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;

c) Tính hợp lý của việc sử dụng khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho cho các hoạt động của Quỹ;

d) Những vấn đề bất cập, tồn tại, hướng xử lý, biện pháp xử lý, tổ chức có trách nhiệm xử lý và thời hạn xử lý;

đ) Những cam kết trong trường hợp thay đổi cơ chế, chính sách, sự khác biệt về thủ tục tiếp nhận và thực hiện khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho, các yêu cầu và điều kiện của nhà tài trợ, bên đóng góp, bên ủy thác, tặng cho (nếu có);

e) Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện (bao gồm cả năng lực tài chính) của Quỹ;

g) Hiệu quả, khả năng vận dụng kết quả thực hiện vào thực tiễn và tính bền vững của việc thực hiện khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;

h) Những ý kiến đã được thống nhất hoặc còn khác nhau giữa các bên liên quan;

i) Đề xuất về việc Quỹ được tiếp nhận và thực hiện khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;

k) Thời hạn hoàn thiện hồ sơ khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;

l) Thông tin về việc đăng ký hoạt động, đăng ký kinh doanh và tư cách pháp nhân của tổ chức là nhà tài trợ, bên đóng góp, bên nhận ủy thác, bên tặng cho hoặc thông tin hợp pháp về cá nhân là nhà tài trợ, bên đóng góp, bên nhận ủy thác tại Việt Nam.

7. Trong quá trình thẩm định, đơn vị chủ trì thẩm định báo cáo cấp có thẩm quyền gửi văn bản xin ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan. Các cơ quan, đơn vị tham gia thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

## Phê duyệt tiếp nhận khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho

1. Việc phê duyệt tiếp nhận khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho sau thẩm định được thực hiện theo quy trình sau:

a) Bộ trưởng Bộ Công an quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho có yếu tố nước ngoài. Trường hợp khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho không đủ điều kiện tiếp nhận, Bộ Công an thông báo cho bên tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho về việc không tiếp nhận;

b) Giám đốc Quỹ quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác trong nước. Trường hợp khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho không đủ điều kiện tiếp nhận, Quỹ thông báo cho bên tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho về việc không tiếp nhận.

2. Văn bản phê duyệt tiếp nhận khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác gồm những nội dung chính sau:

a) Tên khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;

b) Bên tiếp nhận khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho: Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia; Tên tổ chức, cá nhân là bên tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho;

c) Mục tiêu và kết quả chủ yếu của khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;

d) Thời gian và địa bàn thực hiện;

đ) Tổng giá trị và cơ cấu vốn của khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.

## Ký kết văn kiện, hồ sơ tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác

1. Việc ký kết văn kiện, thỏa thuận tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho chỉ tiến hành sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt tiếp nhận khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho và được Quỹ thông báo chính thức bằng văn bản cho bên tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho.

2. Giám đốc Quỹ thực hiện ký kết văn kiện, thỏa thuận tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho với bên tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Nghị định này.

3. Công bố thông tin: Chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày ký kết văn kiện, hồ sơ tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, Quỹ có trách nhiệm công bố thông tin trên Trang thông tin điện tử của Quỹ và tại trụ sở Quỹ.

## Tiếp nhận khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho

1. Đối với khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho bằng tiền:

a) Quỹ mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi riêng số tiền được tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;

b) Quỹ mở tài khoản tại ngân hàng thương mại để tiếp nhận đối với khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho được chuyển khoản.

2. Đối với khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, tặng cho bằng hiện vật:

a) Quỹ có trách nhiệm thực hiện các thủ tục nhận bàn giao, chuẩn bị mặt bằng, kho bãi để bảo quản hiện vật tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho bảo đảm thuận lợi, nhanh chóng. Quỹ mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi riêng hiện vật được tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.

b) Trường hợp tài trợ, viện trợ, đóng góp, tặng cho bằng công trình xây dựng: bên tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho hoàn thành hồ sơ, tài liệu và chứng từ liên quan đến xây dựng công trình chuyển cho Quỹ để thực hiện hạch toán theo giá trị công trình tài trợ đã nhận bàn giao;

c) Trường hợp tài trợ, viện trợ, đóng góp, tặng cho bằng thiết bị, máy móc: bên tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho cung cấp tài liệu, hồ sơ kỹ thuật cho Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

## Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung văn kiện, hồ sơ, quyết định phê duyệt khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác trong quá trình thực hiện

1. Đối với các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho do Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt:

a) Việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung được thực hiện khi thay đổi các mục tiêu dài hạn (nếu có) và mục tiêu ngắn hạn, phương thức tổ chức, quản lý và thực hiện, các kết quả chủ yếu và địa bàn thực hiện của khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho đã được phê duyệt hoặc các điều chỉnh về tiến độ thực hiện quá 24 tháng so với thời gian đã được phê duyệt;

b) Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất điều chỉnh, đơn vị chủ trì thẩm định khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho trình Bộ trưởng Bộ Công an quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung đối với khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.

2. Đối với khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho do Giám đốc Quỹ phê duyệt:

a) Những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung làm cho khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho trở thành một trong các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Công an thì đơn vị chủ trì thẩm định khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho chủ trì, phối hợp với Quỹ báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định;

b) Các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung không thuộc quy định tại điểm a Khoản này do Giám đốc Quỹ quyết định;

c) Chậm nhất 10 ngày làm việc sau khi chấp thuận việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung đối với khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho Hội đồng thành viên ban hành quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung đối với khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.

# HOẠT ĐỘNG CHO VAY, HỖ TRỢ, ĐẦU TƯ

## **Mục 1. HOẠT ĐỘNG CHO VAY**

## Hình thức cho vay

1. Quỹ lựa chọn ngân hàng thương mại (sau đây gọi tắt là ngân hàng) để ký thỏa thuận cho vay.

2. Ngân hàng áp dụng quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và quy định tại Nghị định này để tiếp nhận vốn từ Quỹ và thực hiện hoạt động cho vay.

3. Ngân hàng thẩm định, quyết định cho vay đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định này khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và đủ điều kiện vay vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này; ngân hàng chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình và các rủi ro phát sinh.

4. Ngân hàng chịu trách nhiệm trả đầy đủ gốc và lãi cho vay cho Quỹ đúng thời hạn đã thỏa thuận với Quỹ.

## Đối tượng và điều kiện cho vay

1. Đối tượng cho vay

a) Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;

b) Tổ chức thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh về ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu.

2. Khách hàng vay vốn của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có tư cách pháp nhân và chịu trách nhiệm độc lập theo quy định của pháp luật;

b) Tại thời điểm đề nghị cho vay, không có các khoản nợ thuế, nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Bảo đảm nguồn vốn chủ sở hữu tham gia dự án, phương án sản xuất, kinh doanh tối thiểu 20% tổng vốn đầu tư để thực hiện dự án, phương án sản xuất, kinh doanh.

3. Dự án sản xuất, kinh doanh đề nghị cho vay phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Công nghệ của dự án thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức và không thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc danh mục công nghệ cấm chuyển giao;

b) Sản phẩm của dự án được sản xuất và lưu hành theo quy định của pháp luật.

## Lãi suất cho vay, phí cho vay

1. Lãi suất cho vay bằng 80% mức thấp nhất lãi suất cho vay thương mại. Mức thấp nhất lãi suất cho vay thương mại được xác định trên cơ sở so sánh lãi suất cho vay của 04 ngân hàng thương mại có vốn nhà nước và có tổng tài sản lớn nhất tại thời điểm xác định lãi suất cho vay của Quỹ.

2. Hằng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất quy định tại khoản 1 Điều này, Giám đốc Quỹ công bố mức lãi suất cho vay của Quỹ.

3. Phí cho vay là khoản tiền Quỹ phải trả cho ngân hàng để thực hiện việc cho vay, do hai bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 50% tiền lãi cho vay thu được đối với mỗi dự án sản xuất, kinh doanh.

## Mức cho vay, thời hạn cho vay

1. Mức cho vay đối với mỗi dự án sản xuất, kinh doanh tối đa không quá 80% tổng mức vốn đầu tư của từng dự án. Tổng mức cho vay của Quỹ đối với một tổ chức không được vượt quá 15% vốn điều lệ thực có của Quỹ.

2. Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng thu hồi vốn, khả năng trả nợ của tổ chức và điều kiện cụ thể của từng dự án sản xuất, kinh doanh nhưng tối đa không quá 05 năm.

## Hồ sơ, trình tự, thủ tục cho vay

1. Hồ sơ đề nghị vay vốn gồm có:

a) Giấy đề nghị vay vốn;

b) Hồ sơ dự án sản xuất kinh doanh và các văn bản, tài liệu khác chứng minh tổ chức có đủ điều kiện vay vốn theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

2. Hồ sơ ngân hàng đề nghị nhận vốn gồm có:

a) Giấy đề nghị nhận vốn cho vay của ngân hàng;

b) Các văn bản, tài liệu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và các tài liệu khác có liên quan.

3. Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị vay vốn tại điểm giao dịch của ngân hàng hoặc qua bưu điện.

4. Ngân hàng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị vay vốn, thẩm định, ra quyết định cho vay đối với tổ chức và gửi hồ sơ đề nghị nhận vốn cho vay tại trụ sở của Quỹ hoặc qua đường bưu điện.

5. Ngân hàng có trách nhiệm ban hành quy trình thẩm định, ra quyết định cho vay bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch.

6. Quỹ có trách nhiệm tiếp nhận, đánh giá hồ sơ đề nghị nhận vốn cho vay và quyết định chuyển vốn cho ngân hàng để thực hiện cho vay. Trường hợp từ chối chuyển vốn, Quỹ phải thông báo cho ngân hàng về lý do từ chối.

7. Quỹ có trách nhiệm ban hành quy trình đánh giá, ra quyết định chuyển vốn cho vay theo nguyên tắc bảo đảm phân định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên liên quan trong quá trình cho vay.

## Thỏa thuận cho vay

1. Thỏa thuận cho vay giữa Quỹ và ngân hàng phải được lập thành văn bản, bảo đảm tuân thủ các quy định tại Nghị định này và gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Thông tin về pháp nhân của Quỹ và ngân hàng, địa điểm, thời điểm ký thỏa thuận;

b) Các thỏa thuận về số tiền cho vay, mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn cho vay, đồng tiền cho vay, lãi suất cho vay, nhận vốn vay, hoàn trả vốn, thu hồi lãi, gốc cho vay, chuyển nợ quá hạn, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, hiệu lực của thỏa thuận cho vay;

c) Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng bên trong quá trình thực hiện cho vay; cách thức giải quyết tranh chấp, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện và các thỏa thuận khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ.

2. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, các bên có thể thỏa thuận các nội dung khác phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thỏa thuận cho vay giữa ngân hàng và tổ chức phải được lập thành văn bản và phù hợp với thỏa thuận cho vay giữa Quỹ và ngân hàng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

## Phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro cho vay

1. Ngân hàng có trách nhiệm phân loại nợ đối với dư nợ cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại nợ đối với các tổ chức tín dụng.

2. Ngân hàng trích lập dự phòng rủi ro đối với dư nợ cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về trích lập dự phòng rủi ro của các tổ chức tín dụng.

## Nguyên tắc xử lý rủi ro cho vay

1. Việc xử lý rủi ro của Quỹ phải bảo đảm thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

2. Việc xem xét xử lý rủi ro phải căn cứ vào nguyên nhân dẫn đến rủi ro, mức độ rủi ro, tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, khả năng trả nợ của tổ chức, bảo đảm đầy đủ hồ sơ, đúng thời điểm và trình tự được quy định của Nghị định này.

3. Việc xử lý rủi ro được thực hiện theo hướng giảm thiệt hại tối đa cho nhà nước và gắn trách nhiệm của Quỹ, bên vay và các tổ chức liên quan trong việc thu hồi khoản trả nợ vay.

4. Việc lựa chọn biện pháp xử lý rủi ro được thực hiện theo thứ tự ưu tiên, biện pháp nào không gây mất vốn hoặc ít gây mất vốn nhà nước thì được cân nhắc thực hiện trước.

5. Một khoản nợ có thể áp dụng một hoặc đồng thời nhiều biện pháp xử lý rủi ro được quy định của Nghị định này.

6. Tỷ lệ chấp nhận rủi ro của Quỹ không quá 5% giá trị vốn hiện có của Quỹ tại thời điểm xác định tỷ lệ chấp nhận rủi ro.

## Các biện pháp xử lý rủi ro cho vay

Các biện pháp xử lý rủi ro đối với dư nợ cho vay thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các biện pháp xử lý rủi ro trong hoạt động tín dụng.

## Thẩm quyền xử lý rủi ro cho vay

Thẩm quyền quyết định các biện pháp xử lý rủi ro cho vay thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thẩm quyền xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan.

## Sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro cho vay

Ngân hàng sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro đối với dư nợ cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

## **Mục 2. HỖ TRỢ CHI PHÍ**

## Hạng mục hỗ trợ chi phí

1. Hỗ trợ sinh hoạt phí cho nghiên cứu sinh, nhà khoa học thuộc các tổ chức khoa học và công nghệ có công trình nghiên cứu đáp ứng điều kiện, tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này với mức hỗ trợ là 10 triệu đồng/01 tháng.

2. Hỗ trợ chi phí mua tài nguyên dữ liệu cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân đáp ứng điều kiện, tiêu chí tại Điều 32 Nghị định này với mức hỗ trợ tối đa không quá 01 tỷ đồng/01 dự án, công trình nghiên cứu.

3. Hỗ trợ chi phí thuê khu làm việc, cơ sở ươm tạo thực hiện hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học dữ liệu cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân đáp ứng điều kiện tại Điều 32 Nghị định này với mức hỗ trợ tối đa không quá 01 tỷ đồng/01 dự án, công trình nghiên cứu.

4. Hỗ trợ chi phí thuê, mua hạ tầng công nghệ thông tin, công cụ phục vụ hoạt động xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân đáp ứng điều kiện tại Điều 32 Nghị định này với mức hỗ trợ tối đa không quá 01 tỷ đồng/01 dự án, công trình nghiên cứu.

## Điều kiện, tiêu chí nhận hỗ trợ

1. Có công trình nghiên cứu liên quan đến hoạt động xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu được tổ chức khoa học và công nghệ phê duyệt nhiệm vụ khi triển khai thực hiện.

2. Có dự án sản xuất, kinh doanh khả thi, khai thác các tài sản trí tuệ được quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ hoặc công nghệ mới được quy định tại Luật Chuyển giao công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới có liên quan đến hoạt động xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu.

## Bồi hoàn hỗ trợ chi phí

1. Tổ chức, cá nhân đã nhận hỗ trợ chi phí phải bồi hoàn số tiền hỗ trợ chi phí trong các trường hợp sau:

a) Không đáp ứng tiêu chí và điều kiện quy định tại Nghị định này;

b) Giả mạo hồ sơ, sử dụng chứng từ bất hợp pháp, kê khai không chính xác thông tin dẫn đến việc được hưởng hỗ trợ chi phí.

2. Tổ chức, cá nhân phải hoàn lại toàn bộ số tiền hỗ trợ chi phí đã nhận, cộng với khoản tiền lãi tính trên số tiền hỗ trợ đã nhận với lãi suất bằng bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng công bố tại thời điểm bồi hoàn của 04 ngân hàng thương mại có vốn nhà nước và có tổng tài sản lớn nhất tại thời điểm xác định nghĩa vụ bồi hoàn và chịu mức phạt bằng 10% số tiền hỗ trợ chi phí đã nhận.

3. Số ngày tính lãi quy định tại Điều này được tính từ ngày tổ chức, cá nhân nhận số tiền hỗ trợ chi phí đến ngày tổ chức, cá nhân nộp tiền bồi hoàn hỗ trợ chi phí, tiền lãi, tiền nộp phạt vào Quỹ.

4. Thời hạn phải nộp tiền bồi hoàn hỗ trợ chi phí, tiền lãi, tiền nộp phạt căn cứ theo quyết định yêu cầu bồi hoàn của Quỹ. Trường hợp quá thời hạn theo quyết định yêu cầu bồi hoàn của Quỹ mà tổ chức, cá nhân chưa nộp tiền bồi hoàn vào Quỹ, Quỹ có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng quy định của pháp luật để buộc tổ chức, cá nhân bồi hoàn khoản tiền hỗ trợ.

5. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp toàn bộ tiền bồi hoàn hỗ trợ chi phí, tiền lãi và tiền nộp phạt theo quy định của Quỹ.

## Hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm có:

a) Giấy đề nghị hỗ trợ;

b) Hồ sơ về công trình nghiên cứu, dự án của tổ chức, cá nhân và các văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chí nhận hỗ trợ quy định tại Điều 32 Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tại trụ sở của Quỹ hoặc qua bưu điện hoặc qua phương thức điện tử khác.

3. Quỹ tiếp nhận, thẩm định tính đầy đủ của hồ sơ đề nghị hỗ trợ; thẩm định tính khả thi của dự án và các điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này; ra quyết định hỗ trợ và thông báo cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối hỗ trợ, Quỹ phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân về lý do từ chối.

4. Quỹ có trách nhiệm ban hành quy trình thẩm định, ra quyết định hỗ trợ, giải ngân vốn hỗ trợ theo nguyên tắc bảo đảm phân định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình thẩm định, quyết định hỗ trợ và giải ngân vốn hỗ trợ.

5. Hội đồng chuyên gia thẩm định, kiểm tra hồ sơ tham mưu cho người có thẩm quyền xem xét, ra quyết định hỗ trợ chi phí. Quỹ được thuê tư vấn độc lập để tư vấn hỗ trợ.

6. Mỗi tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện được Quỹ xem xét, quyết định hỗ trợ chi phí không quá 01 lần trong năm tài chính và tối đa không quá 05 năm, trừ trường hợp được kéo dài thêm thời gian áp dụng theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an.

## Thỏa thuận hỗ trợ chi phí

Thỏa thuận hỗ trợ chi phí giữa Quỹ và tổ chức, cá nhân phải được lập thành văn bản, bảo đảm tuân thủ các quy định tại Nghị định này và gồm các nội dung cơ bản sau:

1. Thông tin về Quỹ và tổ chức, cá nhân nhận hỗ trợ, địa điểm, thời điểm ký thỏa thuận.

2. Các thỏa thuận về hình thức hỗ trợ, số tiền hỗ trợ, mục đích sử dụng khoản hỗ trợ, giải ngân khoản hỗ trợ, hiệu lực của hợp đồng hỗ trợ.

3. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng bên; cách thức giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện và các thỏa thuận khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ.

## Nghiệm thu hỗ trợ chi phí

1. Căn cứ hồ sơ nghiệm thu hỗ trợ chi phí của tổ chức, cá nhân, Quỹ tiến hành nghiệm thu hỗ trợ chi phí.

2. Hồ sơ nghiệm thu hỗ trợ chi phí gồm có:

a) Giấy đề nghị nghiệm thu hỗ trợ của tổ chức, cá nhân;

b) Các văn bản, tài liệu, chứng từ thanh toán liên quan đến việc sử dụng chi phí được hỗ trợ.

3. Quỹ tiếp nhận, đánh giá đầy đủ hồ sơ nghiệm thu hỗ trợ chi phí; đánh giá và nghiệm thu hỗ trợ chi phí.

4. Quỹ có trách nhiệm ban hành quy trình đánh giá, nghiệm thu hỗ trợ chi phí bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, công khai.

5. Hằng năm, tổ chức, cá nhân nhận hỗ trợ có trách nhiệm gửi Quỹ báo cáo về tình hình nghiên cứu, thực hiện dự án đã nhận hỗ trợ hoặc báo cáo tài chính của tổ chức.

6. Tổ chức, cá nhân nhận hỗ trợ chi phí của Quỹ có trách nhiệm ghi nhận sự hỗ trợ của Quỹ trong các kết quả nghiên cứu được công bố (ghi rõ “Nghiên cứu được tài trợ bởi Quỹ Phát triển dữ liệu Quốc gia”), chịu trách nhiệm về nội dung công bố theo pháp luật về khoa học và công nghệ, xuất bản, sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

## **Mục 3. HỖ TRỢ NÂNG CAO NĂNG LỰC**

## Các hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực

Căn cứ vào vốn hoạt động và kế hoạch hoạt động hàng năm, Quỹ thực hiện một số hình thức hỗ trợ nâng cao năng lực như sau:

1. Tổ chức hội thảo, triển lãm, cuộc thi, truyền thông, đào tạo, tập huấn, tư vấn liên quan đến lĩnh vực khoa học dữ liệu.

2. Thực hiện xúc tiến thương mại.

3. Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dữ liệu thông qua các chương trình nghiên cứu, trao đổi chuyên gia và tổ chức sự kiện quốc tế.

4. Khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong trong công tác xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu; tổ chức, cá nhân tự nguyện đóng góp dữ liệu thuộc quyền sở hữu cho cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội.

## Điều kiện và mức nhận hỗ trợ nâng cao năng lực

1. Bộ trưởng Bộ Công an quy định điều kiện và mức hỗ trợ nâng cao năng lực đối với từng hoạt động quy định tại Điều 37 Nghị định này.

2. Tổng mức hỗ trợ nâng cao năng lực trong năm của Quỹ không vượt quá 30% vốn thực có vào đầu năm tài chính.

## **Mục 4. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

## Quy định chung về đầu tư của Quỹ

1. Thời hạn đầu tư không quá 05 năm.

2. Không góp vốn, đầu tư vào lĩnh vực bất động sản; không được góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán, trừ những trường hợp đặc biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Không được góp vốn, mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp khác mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ

Không được góp vốn cùng công ty con để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh.

4. Quỹ không được sử dụng tài sản do Quỹ đang đi thuê hoạt động, đi mượn, nhận giữ hộ, ký gửi để đầu tư ra ngoài Quỹ.

5. Quỹ trích lập đầu tư để bù đắp vào những khoản rủi ro đầu tư.

## Đối tượng đầu tư

1. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cung cấp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

2. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh về ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu.

## Hình thức, điều kiện và mức đầu tư của Quỹ

1. Hình thức đầu tư của Quỹ

a) Góp vốn thành lập;

b) Mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp.

2. Điều kiện và mức đầu tư

a) Các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuộc đối tượng quy định tại Điều 40 Nghị định này là những doanh nghiệp chưa niêm yết trên sàn chứng khoán; không phải là công ty đại chúng; có vốn điều lệ trên 02 tỷ đồng;

b) Mức đầu tư: Quỹ đầu tư 01 tỷ đồng/01 doanh nghiệp.

## Xử lý rủi ro đầu tư

1. Quỹ thực hiện các biện pháp xử lý rủi ro đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư.

2. Quỹ xem xét, quyết định chuyển các khoản đầu tư thành khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp trong trường hợp thu hồi vốn thấp hơn mức đầu tư hoặc không thu hồi được do doanh nghiệp được đầu tư phá sản.

# QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

## Nguyên tắc quản lý và sử dụng vốn, tài sản, doanh thu, chi phí và phân phối kết quả hoạt động của Quỹ

1. Quỹ phải quản lý và sử dụng vốn theo nguyên tắc đúng mục đích, có hiệu quả.

2. Quỹ áp dụng quy định pháp luật về đầu tư xây dựng, mua, bán, quản lý, sử dụng tài sản cố định, quản lý doanh thu, thu nhập khác, chi phí và phân phối kết quả tài chính tương tự Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Doanh thu và chi phí của Quỹ phải được quản lý chặt chẽ, bảo đảm tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp; phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán theo chế độ kế toán áp dụng và các quy định của pháp luật có liên quan.

## Quản lý tài sản

1. Quỹ xây dựng Quy chế quản lý hoạt động mua sắm và quản lý tài sản cố định, trình Chủ tịch phê duyệt theo quy định tại Điều lệ Quỹ và các quy định pháp luật có liên quan. Quy chế phải xác định rõ việc phối hợp của từng bộ phận quản lý trong Quỹ, quy định rõ trách nhiệm bồi thường của từng bộ phận, cá nhân đối với các trường hợp làm hư hỏng, mất mát, gây tổn thất tài sản, thiệt hại cho Quỹ.

2. Mua sắm tài sản cố định của Quỹ

a) Thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm tài sản cố định, tiêu chuẩn, định mức, trình tự, thủ tục đầu tư, mua sắm và sửa chữa tài sản cố định áp dụng theo quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả;

b) Việc mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Quỹ thực hiện theo nguyên tắc giá trị còn lại của tổng tài sản cố định không vượt quá 05% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm mua sắm.

3. Nguyên tắc trích khấu hao, chế độ quản lý, sử dụng và thời gian trích khấu hao tài sản cố định: Quỹ thực hiện theo quy định về khấu hao tài sản cố định áp dụng đối với doanh nghiệp.

4. Thuê, cho thuê tài sản cố định

a) Quỹ được quyền thuê, cho thuê tài sản cố định theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp;

b) Thẩm quyền quyết định thuê, cho thuê tài sản cố định thực hiện theo quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

5. Thanh lý, nhượng, bán tài sản cố định

a) Quỹ được quyền chủ động thanh lý, nhượng, bán tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng, không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn theo nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo đảm an toàn vốn;

b) Thẩm quyền quyết định thanh lý, nhượng, bán tài sản cố định thực hiện theo quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

c) Trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với doanh nghiệp.

6. Kiểm kê tài sản và đánh giá lại tài sản cố định

a) Quỹ phải tổ chức kiểm kê định kỳ hoặc đột xuất để xác định số lượng tài sản cố định trong các trường hợp: Khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; sau khi xảy ra thiên tai, địch họa hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của Quỹ; theo quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Đối với tài sản thừa, thiếu, phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật;

c) Quỹ phải thực hiện đánh giá lại tài sản theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản thực hiện theo quy định đối với từng trường hợp cụ thể.

7. Xử lý tổn thất về tài sản

Khi bị tổn thất về tài sản, Quỹ phải xác định giá trị tài sản bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

a) Xác định rõ nguyên nhân khách quan (thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ) và nguyên nhân chủ quan;

b) Nếu do nguyên nhân chủ quan thì doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường, xử lý theo quy định của pháp luật. Quỹ quy định cụ thể việc bồi thường và quyết định mức bồi thường phù hợp với quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

c) Nếu tài sản đã mua bảo hiểm theo pháp luật thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm;

d) Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng được hạch toán vào chi phí trong kỳ;

đ) Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc nguyên nhân bất khả kháng gây ra thiệt hại nghiêm trọng, Quỹ không thể tự khắc phục được thì Giám đốc Quỹ báo cáo phương án xử lý tổn thất để trình Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.

## Doanh thu

Doanh thu của Quỹ bao gồm doanh thu từ hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính và thu nhập khác do Quỹ thu được, gồm:

1. Thu từ hoạt động nghiệp vụ:

a) Các khoản thu từ hoạt động cho vay gồm: lãi cho vay và các khoản thu khác từ hoạt động cho vay;

b) Các khoản thu từ hoạt động đầu tư: Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền từ hoạt động đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và đầu tư ra ngoài Quỹ. Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài Quỹ;

c) Các khoản thu từ hoạt động quản lý các nguồn vốn được tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho (nếu có);

d) Các khoản thu khác từ hoạt động nghiệp vụ.

2. Thu từ lãi tiền gửi.

3. Tiền lãi và các khoản khác được chia từ hoạt động liên doanh, liên kết, các khoản thu khác từ hoạt động liên doanh, liên kết.

4. Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản; thu tiền bảo hiểm được bồi thường (phần còn lại sau khi đã bù đắp tổn thất xảy ra); thu phạt, bồi thường vi phạm hợp đồng, thỏa thuận; các khoản bồi hoàn; thu từ các khoản nợ đã xóa bằng dự phòng rủi ro nay thu hồi được; thu từ chênh lệch tỷ giá (nếu có).

5. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

## Chi phí

Chi phí của Quỹ là các khoản chi phí phát sinh trong kỳ cần thiết cho hoạt động của Quỹ, bao gồm:

1. Chi phí hoạt động nghiệp vụ

a) Chi hoạt động cho vay, hỗ trợ chi phí bao gồm: phí cho vay, chi hỗ trợ chi phí; chi thẩm định hồ sơ; phí thẩm định và giám định tài sản bảo đảm; chi kiểm tra, giám sát, chi nghiệm thu các khoản hỗ trợ chi phí và các khoản chi khác liên quan đến hoạt động hỗ trợ chi phí, cho vay;

b) Chi thực hiện các hoạt động hỗ trợ tăng cường năng lực;

c) Chi phí tiếp nhận và quản lý các nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho tự nguyện, hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

d) Chi trích lập dự phòng rủi ro và khoản dự phòng khác (nếu có);

đ) Chi về nghiệp vụ xử lý nợ;

e) Chi bảo hiểm, chi cho hoạt động gửi vốn nhàn rỗi, chi chênh lệch tỷ giá;

g) Các khoản chi hoạt động nghiệp vụ khác.

2. Chi hoạt động bộ máy

a) Chi cho người lao động, người quản lý bao gồm: Chi tiền lương, tiền công, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản chi mang tính chất tiền lương; các khoản chi để đóng góp theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn); chi khen thưởng, chi phúc lợi; chi trang phục giao dịch; chi trợ cấp; chi ăn ca; chi y tế; các chi phí cho lao động nữ theo quy định hiện hành; các khoản chi khác cho người lao động, người quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Chi cho hoạt động quản lý bao gồm: công tác phí; chi đào tạo; chi nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ; chi tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị; chi cho công nghệ thông tin; chi về các hoạt động đảng, đoàn thể; chi văn phòng phẩm, tài liệu, sách báo; chi điện, nước, điện thoại, bưu chính viễn thông, vệ sinh cơ quan; chi hội nghị, hội thảo, tập huấn, tuyên truyền, in ấn tài liệu, lễ tân; chi mua hàng hóa, dịch vụ; chi giao dịch, đối ngoại, tham gia diễn đàn, mạng lưới; chi hợp tác quốc tế; chi kiểm tra, giám sát, kiểm toán; chi thuê chuyên gia, tư vấn trong và ngoài nước; chi phí vận chuyển và các khoản chi khác cho hoạt động quản lý;

c) Chi đầu tư xây dựng, mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản; chi khấu hao tài sản cố định; cho thuê tài sản thực hiện theo hợp đồng thuê; chi nhượng bán, thanh lý tài sản; chi bảo hiểm tài sản; chi mua sắm công cụ dụng cụ; chi khác cho quản lý và sử dụng tài sản.

3. Chi nộp thuế, các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

4. Chi các khoản đã hạch toán nguồn thu nhưng thực tế không thu được; chi các khoản nợ phải trả; chi cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa, chi phí thu hồi nợ xấu; chi trả tiền phạt, bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế thuộc trách nhiệm của Quỹ; chi xử lý khoản tổn thất tài sản theo quy định của pháp luật; chi cho công tác xã hội từ thiện; chi án phí, lệ phí thi hành án.

5. Các khoản chi phí khác.

6. Định mức chi phí quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Trường hợp pháp luật không có quy định, Quỹ căn cứ vào khả năng tài chính xây dựng định mức, quyết định việc chi tiêu bảo đảm phù hợp, hiệu quả.

## Quản lý doanh thu và chi phí

1. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước Bộ Công an và trước pháp luật trong việc tổ chức quản lý chặt chẽ, bảo đảm tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp của các khoản doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Toàn bộ doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh trong hoạt động của Quỹ phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của Quỹ theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

3. Doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động của Quỹ được xác định bằng đồng Việt Nam, trường hợp thu hoặc chi bằng ngoại tệ phải quy đổi về đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Quỹ phải tính đúng, tính đủ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh, tự trang trải mọi khoản chi phí bằng các khoản thu của Quỹ và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Quỹ.

5. Việc xác định doanh thu, thu nhập và chi phí để xác định nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan.

## Phân phối kết quả tài chính

1. Kết quả tài chính hằng năm của Quỹ là số chênh lệch giữa tổng số thu nhập và tổng số chi phí phát sinh trong năm tài chính.

2. Trường hợp tổng thu nhập lớn hơn tổng chi phí, phần chênh lệch này coi như 100%, Quỹ được trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi tối đa bằng 03 tháng lương thực hiện trong năm tài chính của người lao động và quỹ thưởng người quản lý tối đa bằng 1,5 tháng lương thực hiện trong năm tài chính của người quản lý;

3. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi:

a) Quỹ xếp loại A được trích 03 tháng lương thực hiện của người lao động cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

b) Quỹ xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người lao động cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

c) Quỹ xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện của người lao động cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

4. Trích lập quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên:

a) Quỹ xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý;

b) Quỹ xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý;

c) Quỹ xếp loại C thì không được trích lập quỹ thưởng của người quản lý.

5. Giám đốc Quỹ quyết định việc trích, tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính theo quy định tại khoản 2 Điều này.

## Quản lý và sử dụng các quỹ trích lập

1. Việc sử dụng các quỹ phải đúng quy định, mục đích, đúng đối tượng.

a) Quỹ xây dựng, ban hành quy chế quản lý, sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật, bảo đảm dân chủ, minh bạch, có sự tham gia của Ban Chấp hành công đoàn Quỹ và công khai trong Quỹ trước khi thực hiện;

b) Trong năm tài chính, Quỹ được chủ động tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động để có nguồn chi sử dụng các quỹ theo mục đích đã quy định;

c) Định mức chi khen thưởng người lao động, chi phúc lợi do Giám đốc Quỹ ban hành.

2. Quỹ khen thưởng được dùng để:

a) Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng cho người lao động tại Quỹ (bao gồm cả người quản lý làm việc theo hợp đồng lao động).;

b) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Quỹ có đóng góp nhiều cho hoạt động, công tác quản lý của Quỹ;

c) Mức thưởng do Giám đốc quyết định được ghi trong Quy chế quản lý sử dụng các quỹ của Quỹ.

3. Quỹ phúc lợi được dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Quỹ;

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của người lao động tại Quỹ bao gồm cả người quản lý, kiểm soát viên làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm;

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

d) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội;

đ) Mức chi sử dụng quỹ do Giám đốc quyết định, được ghi trong Quy chế quản lý, sử dụng quỹ của Quỹ.

4. Quỹ thưởng người quản lý

a) Thưởng hàng năm; thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ cho Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ.

b) Mức thưởng hàng năm và thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ do đại diện chủ sở hữu quyết định gắn với tiêu chí đánh giá người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên và hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

c) Trường hợp Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng thì Quỹ sử dụng nguồn quỹ khen thưởng của Quỹ để chi thưởng cho các đối tượng nêu trên theo mức thưởng mà pháp luật về thi đua khen thưởng đã quy định đối với từng hình thức thi đua, khen thưởng.

## Chế độ kế toán, kiểm toán

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

2. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

3. Quỹ tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và quy chế nội bộ của Quỹ.

4. Quỹ phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành; lập, ghi chép chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán, bảo đảm phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính. Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được kiểm toán trước khi nộp cho cơ quan nhà nước và trước khi công khai.

## Báo cáo quyết toán

1. Quỹ phải lập báo cáo tài chính quý, năm. Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Cuối kỳ kế toán (quý, năm), Quỹ phải lập, trình bày, gửi các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê cho các cơ quan nhà nước và thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính. Ngoài các báo cáo tài chính, thống kê định kỳ lập và gửi theo quy định, Quỹ phải thực hiện lập, gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Bộ Công an và cơ quan quản lý nhà nước.

2. Hằng năm, Quỹ lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính gửi Bộ Công an thẩm định, xét duyệt.

3. Sau khi có ý kiến phê duyệt của Bộ Công an, Giám đốc Quỹ quyết định Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán gửi Bộ Công an và Cơ quan có thẩm quyền.

4. Báo cáo năm được gửi chậm nhất là sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Báo cáo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm của Quỹ do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện được gửi chậm nhất là sau 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

5. Quỹ thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

6. Số liệu quyết toán của Quỹ phải được đối chiếu, xác nhận với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

7. Nội dung báo cáo quyết toán của Quỹ phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán ngân sách nhà nước được giao và theo mục lục ngân sách nhà nước.

8. Báo cáo quyết toán của Quỹ không được quyết toán chi lớn hơn thu.

9. Những khoản thu của Quỹ không đúng quy định của pháp luật phải được hoàn trả cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đã nộp; những khoản thu của Quỹ nhưng chưa thu phải được truy thu đầy đủ; những khoản chi Quỹ không đúng với quy định của pháp luật phải được thu hồi đủ.

10. Báo cáo phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của Quỹ.

11. Quỹ thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và quy định của Nghị định này về lập, chấp hành, quyết toán, kiểm toán đối với phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ.

12. Hằng năm, Bộ Công an báo cáo Cơ quan có thẩm quyền tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi Quỹ để tổng hợp báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước;

13. Hằng năm, Quỹ thực hiện cân đối nguồn và lập dự toán kinh phí đối với các hoạt động tài trợ, hỗ trợ, cho vay, đầu tư và hoạt động quản lý của Quỹ báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt.

14. Quỹ thực hiện chuyển nguồn kinh phí dư trong năm tài chính sang năm kế tiếp theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản có liên quan.

# 

# GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

## Giám sát hoạt động của Quỹ

1. Quỹ có trách nhiệm xây dựng và vận hành hệ thống giám sát nội bộ bảo đảm hoạt động có hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quy định tại Nghị định này.

Hệ thống giám sát nội bộ của Quỹ bao gồm các cơ chế, chính sách, quy chế, quy trình, cơ cấu tổ chức, nhân sự của Quỹ được xây dựng phù hợp với quy định tại Nghị định này và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro trong hoạt động của Quỹ.

2. Hằng năm, Quỹ phải báo cáo Bộ Công an về kết quả hoạt động, bao gồm kết quả hoạt động hỗ trợ, hiệu quả quản lý vốn, tài sản, đánh giá rủi ro, hạn chế trong hoạt động của Quỹ và kiến nghị, đề xuất giải pháp xử lý phù hợp.

3. Bộ Công an thực hiện giám sát hoạt động của Quỹ

a) Việc giám sát được thực hiện thông qua hoạt động của Ban kiểm soát;

b) Nội dung giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định này.

## Nội dung giám sát hoạt động của Quỹ

1. Quản lý và sử dụng vốn điều lệ, các nguồn vốn khác, kinh phí hoạt động hằng năm và tài sản của Quỹ.

2. Kết quả hoạt động của Quỹ.

3. Thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Quỹ.

4. Các nội dung giám sát liên quan khác theo yêu cầu của Bộ Công an.

Bộ Công an tổ chức giám sát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các báo cáo của Quỹ để phát hiện các rủi ro về tài chính, hạn chế trong quản lý của Quỹ, hiệu quả hoạt động của Quỹ và có cảnh báo, giải pháp xử lý kịp thời theo các quy định của pháp luật về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước.

## Đánh giá kết quả hoạt động của Quỹ

1. Bộ Công an thực hiện đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại Quỹ hằng năm.

2. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Quỹ bao gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Tăng trưởng dư nợ cho vay, doanh số tài trợ vốn;

b) Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nợ xấu;

c) Chỉ tiêu 3: Tổng thu nhập trừ tổng chi phí;

d) Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình chấp hành quy định về chế độ báo cáo tài chính hằng năm và báo cáo tình hình hoạt động hằng năm của Quỹ.

3. Yếu tố khách quan được xem xét, loại trừ khi đánh giá hoạt động của Quỹ:

a) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, biến động kinh tế - chính trị, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác;

b) Thay đổi về chính sách liên quan làm ảnh hưởng đến hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và kết quả hoạt động của Quỹ.

4. Bộ Công an ban hành quy định, hướng dẫn đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại Quỹ.

# CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI QUỸ VÀ ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG QUỸ

## Cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích phát triển chung

1. Quỹ được hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi cao nhất và các thủ tục hành chính thuận lợi nhất theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện mục tiêu hoạt động của Quỹ.

2. Quỹ được đầu tư xây dựng, khai thác, quản lý cơ sở lưu trú và dịch vụ, tiện ích khác cho chuyên gia, người lao động làm việc tại Quỹ.

3. Tổ chức, cá nhân là đối tượng sử dụng Quỹ được hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi cao nhất và các thủ tục hành chính thuận lợi nhất theo quy định pháp luật; được ưu tiên hỗ trợ từ các chương trình, dự án hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương.

## Cơ chế, chính sách ưu đãi đối với nhà tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác

1. Được ưu tiên tham gia các dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ phát triển dữ liệu. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định của Nhà nước về dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ.

2. Được ưu tiên xem xét giao nhiệm vụ thực hiện đề án, dự án nghiên cứu, phát triển, hoặc ứng dụng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế xã hội có tính trọng điểm quốc gia thuộc các chương trình, kế hoạch dài hạn, hằng năm của Quỹ.

## Cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Quỹ

1. Việc tiếp nhận hỗ trợ, viện trợ, tài trợ, tặng cho của Quỹ được hưởng các ưu đãi sau:

a) Các khoản viện trợ không hoàn lại cho Quỹ được quản lý theo cơ chế là nguồn thu hợp pháp của Quỹ, không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

Trình tự, thủ tục tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ không hoàn lại cho Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

b) Quỹ được sử dụng khoản viện trợ không hoàn lại quy định tại khoản 1 Điều này và các khoản tài trợ, tặng cho của các tổ chức, cá nhân trong nước (bao gồm cả phần lãi tiền gửi các khoản viện trợ, tài trợ), để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, chi thường xuyên, hỗ trợ hoạt động và công tác quản lý, vận hành của Quỹ.

2. Ưu đãi đất đai và tạo mặt bằng hoạt động của Quỹ:

a) Không thuộc đối tượng nộp tiền thuê đất trong trường hợp sử dụng gắn liền với đất để kinh doanh, cho thuê;

b) Miễn tiền sử dụng hạ tầng cho diện tích đất được thuê nằm trong khu vực phải trả tiền sử dụng hạ tầng kỹ thuật do nhà nước đầu tư;

c) Miễn toàn bộ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư;

d) Ngân sách nhà nước hỗ trợ toàn bộ kinh phí san lấp mặt bằng của dự án đầu tư cơ sở của Quỹ.

3. Các ưu đãi thuế của Quỹ:

a) Miễn thuế hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định, hàng hoá nhập khẩu sử dụng trực tiếp để phục vụ mục tiêu hoạt động của Quỹ theo Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

b) Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản thu của Quỹ;

c) Quỹ được miễn thuế hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định, hàng hoá nhập khẩu sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ phát triển dữ liệu, ươm tạo doanh nghiệp phát triển dữ liệu, đổi mới công nghệ theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

4. Người nước ngoài được xem xét cấp thị thực nhập cảnh có giá trị sử dụng nhiều lần và thời hạn phù hợp với thời gian làm việc trực tiếp tại Quỹ gồm:

a) Cá nhân làm việc tại Quỹ bao gồm cá nhân là lao động, chuyên gia, nhà khoa học của Quỹ, của các tổ chức, cá nhân được sử dụng Quỹ;

b) Lãnh đạo, nhà quản lý, chuyên gia của các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ dữ liệu đến Việt Nam để nghiên cứu, hợp tác với Quỹ;

c) Thành viên gia đình (bao gồm bố đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi dưới 18 tuổi) của cá nhân nêu tại điểm a khoản này.

5. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài làm tại Quỹ được cấp Giấy phép lao động theo quy trình, thủ tục rút gọn.

## Cơ chế, chính sách ưu đãi đối với đối tượng được Quỹ hỗ trợ, đầu tư

1. Quỹ hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện dự án; thực hiện các thủ tục về thị thực nhập cảnh, giấy phép lao động, cư trú; quảng bá, kết nối với hệ sinh thái hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động phát triển dữ liệu.

2. Tiền hỗ trợ từ Quỹ không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp.

3. Cá nhân là đối tượng được Quỹ hỗ trợ khi đăng ký thành lập doanh nghiệp được cấp giấy đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ*.*

4. Được ưu tiên thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp trước thời hạn khi có yêu cầu.

5. Được hưởng ưu đãi cao nhất về thuế được quy định tại pháp luật về thuế.

# TỔ CHỨC THỰC HIỆN

## Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền báo cáo Thủ tướng Chính phủ cấp vốn điều lệ; quyết định tăng, giảm vốn điều lệ của Quỹ.

2. Hướng dẫn việc quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động và chế độ chính sách đối với người quản lý Quỹ.

3. Hướng dẫn việc xử lý rủi ro, đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại Quỹ.

4. Hướng dẫn việc tiếp nhận tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác của Quỹ.

5. Có ý kiến chấp thuận đối với kế hoạch hoạt động 05 năm, hàng năm của Quỹ.

6. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật và chế độ chính sách khác đối với các chức vụ quản lý của Quỹ.

7. Quyết định hoặc chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định biện pháp xử lý rủi ro của Quỹ theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này.

8. Ban hành điều lệ, quy chế tài chính của Quỹ.

9. Thực hiện việc xếp hạng Quỹ theo quy định pháp luật.

10. Thực hiện việc đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại hằng năm đối với Quỹ.

11. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước theo quy định tại Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan.

## Trách nhiệm của Quỹ

Tiếp nhận, quản lý và sử dụng hiệu quả, đúng quy định pháp luật các nguồn vốn hoạt động theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

## Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhận vốn vay, hỗ trợ, đầu tư của Quỹ

1. Sử dụng vốn vay, hỗ trợ, đầu tư đúng mục đích, theo đúng thỏa thuận đã ký kết giữa Quỹ và các bên có liên quan.

2. Tuân thủ theo đúng quy định pháp luật và thực hiện đúng, đầy đủ các cam kết, nghĩa vụ theo thỏa thuận đã ký kết giữa Quỹ và các bên có liên quan.

3. Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết năm trước chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 của năm sau.

4. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn, sử dụng vốn hỗ trợ của Quỹ, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

## Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch và Giám đốc Quỹ Phát triển dữ liệu, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; *-* Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Kiểm toán nhà nước; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KSTT. | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG**  **Phạm Minh Chính** |